

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HS-PT
Ngày 23-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông; Ông Phạm Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nôm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 98/2017/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Phùng Hải Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2017/HS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Bị cáo có kháng cáo: **Phùng Hải Q**, sinh ngày 20/10/1993 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp P1, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn T và bà Nguyễn Thị Thoa E; có vợ là Nguyễn Kim N; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 77/2010/HSST ngày 19/11/2010 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh đã xử phạt 06 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; tại Quyết định xử phạt hành chính số: 17/QĐ-XPHC ngày 10/02/2010 của Công an huyện T, tỉnh Trà Vinh đã xử phạt 100.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Hải Q là người thuê trọ tại nhà trọ G thuộc ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Khoảng 18 giờ 00 ngày 29-4-2017, Q nhìn thấy xe mô tô Honda Future, màu đỏ đen, biển số 71C1-xxx.xx của anh Nguyễn Ngọc P để trước cửa phòng số 29 của nhà

trợ không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe bán lấy tiền tiêu xài. Ngay sau đó, Q điều khiển xe (trên xe có nón bảo hiểm) về tỉnh Trà Vinh tìm chỗ bán nhưng không bán được nên để xe lại khu vực vườn dừa thuộc ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, rồi lên xe buýt về tỉnh Bến Tre. Đến ngày 05-5-2017, Q cùng vợ là chị Nguyễn Kim N từ nhà trọ G về tỉnh Trà Vinh. Trên đường, Q kể cho chị N nghe sự việc trộm xe, chị N kêu Q đến địa điểm để xe mang về trả lại cho anh P. Khi Q và chị N đến nơi để xe thì bị người dân bắt giữ giao Công an xã Long Đức xử lý.

Tại kết luận số 314/KL-HĐĐG và kết luận số 753/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu đỏ đen, biển số 71C1-xxx.xx giá trị sử dụng còn lại 23.100.000 đồng; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ đen nhãn hiệu BMM giá trị sử dụng còn lại 90.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2017/HS-ST ngày 31-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định: tuyên bố bị cáo Phùng Hải Q phạm “Tội trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Phùng Hải Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03-11-2017, bị cáo kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận khai nhận do không có tiền tiêu xài nên đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô Honda Future và nón bảo hiểm của anh P mang về Trà Vinh bán nhưng không có giấy tờ xe nên không bán được. Sau đó, bị cáo cùng vợ quay lại nơi để xe trước đó định mang về trả cho anh P thì bị bắt giữ.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo lén lút chiếm đoạt của anh P xe mô tô biển số 71C1-xxx.xx và nón bảo hiểm, tổng giá trị sử dụng còn lại là 23.190.000 đồng nên phạm “Tội trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo nhưng không bổ sung tài liệu, chứng cứ mới hoặc được hưởng thêm tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử lý hành chính và kết án về “Tội trộm cắp tài sản”. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét cho hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Phùng Hải Q 09 (chín) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”.

Bị cáo phát biểu ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để chăm sóc cha mẹ, đồng thời bị cáo cũng đã ân hận về việc làm sai trái của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi của bị cáo Phùng Hải Q đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu đen đỏ và 01 cái nón bảo hiểm của anh Nguyễn Ngọc P, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 23.190.000 đồng nên đã kết án bị cáo Phùng Hải Q phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 với mức hình phạt 09 tháng tù. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy bị cáo đã phạm “Tội trộm cắp tài sản” và phải chịu hình phạt theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội danh mà pháp luật đã quy định, không oan sai.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo 09 tháng tù là thỏa đáng, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Đồng thời, mặc dù lý lịch tư pháp của bị cáo được xác định là chưa có tiền án, tiền sự, song qua xem xét quá trình hoạt động thì bị cáo đã bị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và bị Tòa án kết án về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng không biết ăn năn hối cải mà lại tiếp tục phạm mới ngày càng nghiêm trọng hơn, nguy hiểm hơn, điều đó cho thấy bị cáo là người khó cải tại giáo dục, nên cần cách ly ra khỏi cộng đồng xã hội trong khoảng thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trước thực trạng tội phạm xâm phạm sở hữu đang có chiều hướng gia tăng. Do đó kháng cáo của bị cáo yêu cầu hưởng án treo không được chấp nhận.

[3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” là đã xem xét toàn diện tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân không tốt của bị cáo nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo; giữ

nguyên Bản án sơ thẩm số 61/2017/HSST ngày 31-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

1- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Phùng Hải Q 09 (chín) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2- Căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Phùng Hải Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3- Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện C (1b);
- Công an huyện C (1b);
- TAND huyện C (3b);
- Chi cục THADS huyện C (1b);
- UBND xã H – huyện T, tỉnh Trà Vinh (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Quang Sơn